

CHÍNH PHỦ

Số: /2024/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO 3

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi và Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 4 vào Điều 5 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP như sau:

“ 2. Phiếu lý lịch tư pháp, văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe, bản điều tra về tâm lý, gia đình, văn bản xác nhận thu nhập và tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Nuôi con nuôi; giấy khám sức khỏe và văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật Nuôi con nuôi¹ có giá trị sử dụng nếu được lập, cấp, xác nhận chưa quá 12 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ.

Đối với trường hợp công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài là đối tượng do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp và thuộc diện cha dưỡng nhận con riêng của vợ làm con nuôi, mẹ kế nhận

¹ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì không áp dụng thời hạn có giá trị sử dụng của Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản này.

4. Giấy tờ có trong hồ sơ của người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi, hồ sơ xin cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, cấp, xác nhận mà bị tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc thông tin trong các văn bản, giấy tờ được khai không đúng sự thật thì không có giá trị sử dụng. Người thực hiện hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc khai thông tin không đúng sự thật bị xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.”

2. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP như sau:

“Điều 5a. Hỗ trợ giải quyết việc nuôi con nuôi

1. Khi giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ công tác xã hội hỗ trợ đánh giá điều kiện về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi trong nước, điều kiện về hoàn cảnh gia đình, tâm lý, nguyện vọng của trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước, tư vấn, lấy ý kiến đồng ý của những người liên quan, trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên về việc cho trẻ em làm con nuôi và theo dõi tình hình thực hiện việc nuôi con nuôi.

2. Khi giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài, Sở Tư pháp đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ công tác xã hội hỗ trợ đánh giá điều kiện về hoàn cảnh gia đình, tâm lý, nguyện vọng của trẻ em được nhận làm con nuôi nước ngoài, tư vấn, lấy ý kiến đồng ý của những người liên quan và trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

3. Theo đề nghị của cha mẹ nuôi nước ngoài, con nuôi Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Tư pháp yêu cầu tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam hỗ trợ con nuôi tiếp cận nguồn gốc và về thăm quê hương, đất nước.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng, quyết toán kinh phí bảo đảm cho hoạt động hỗ trợ giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Cha mẹ nuôi nước ngoài, con nuôi Việt Nam ở nước ngoài trả chi phí cho hoạt động hỗ trợ do tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam cung cấp theo quy định tại khoản 3 Điều này trên cơ sở thoả thuận.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP như sau:

“Điều 6. Rà soát, tìm người nhận trẻ em làm con nuôi

1. Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã *định kỳ 06 tháng* rà soát, đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi. Nếu có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, giải quyết hoặc hướng dẫn giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật. *Nếu không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản kèm theo hồ sơ trẻ em gửi Sở Tư pháp để tìm người nhận trẻ em làm con nuôi theo quy định tại khoản 3 của Điều này, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để biết.*

2. Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì cơ sở nuôi dưỡng đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi, ~~Nếu có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi thì cơ sở nuôi dưỡng giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người nhận con nuôi để thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi.²~~

~~Nếu không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi thì lập hồ sơ trẻ em bao gồm các giấy tờ, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật Nuôi con nuôi, xin ý kiến của cơ quan chủ quản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ quản có ý kiến gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em để thông báo tìm người nhận con nuôi theo quy định tại khoản 3 của Điều này.~~

3. Việc tìm người nhận trẻ em làm con nuôi được thực hiện như sau:

a) Khi tiếp nhận hồ sơ trẻ em theo quy định tại *khoản 1 và khoản 2 Điều này*, nếu có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đăng ký nhu cầu nhận con nuôi theo quy định tại Điều 16 của Luật Nuôi con nuôi, Sở Tư pháp *kiểm tra nguyện vọng và điều kiện của người nhận con nuôi trước khi* giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người nhận con nuôi và giới thiệu người nhận con nuôi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có ~~trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng~~ *thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi* để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đăng ký nhu cầu nhận con nuôi, Sở Tư pháp thông báo tìm người nhận trẻ em làm con nuôi theo phương thức và thời hạn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi;

b) Trong thời hạn thông báo trên phạm vi cấp tỉnh, nếu có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước đăng ký nhu cầu nhận con nuôi theo quy định tại Điều 16 của Luật Nuôi con nuôi thì Sở Tư pháp thực hiện theo quy định tại điểm

² Phần gạch ngang là nội dung bị bãi bỏ

a khoản này. Sau khi hết thời hạn thông báo, nếu không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi thì Sở Tư pháp gửi danh sách trẻ em cho Bộ Tư pháp để thông báo tìm người nhận con nuôi theo phương thức và thời hạn quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 của Luật Nuôi con nuôi;

c) Trong thời hạn thông báo trên phạm vi toàn quốc, nếu công dân Việt Nam thường trú ở trong nước có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận trẻ em làm con nuôi thì liên hệ với Sở Tư pháp để thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

Hết thời hạn thông báo trên phạm vi toàn quốc mà không có công dân Việt Nam thường trú trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, đối với trẻ em quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp để thực hiện thủ tục giải quyết cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài theo quy định pháp luật.

Đối với trẻ em quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp không có công dân Việt Nam thường trú trong nước nhận trẻ em làm con nuôi, Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp để chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đưa trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng nếu trẻ em không được chăm sóc thay thế bằng hình thức phù hợp khác theo quy định pháp luật. Trường hợp cơ sở nuôi dưỡng đánh giá việc trẻ em được nhận làm con nuôi, lập hồ sơ trẻ em theo quy định tại khoản 2 Điều này thì không cần thực hiện lại việc thông báo tìm người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi.

d) Nội dung thông báo tìm người nhận trẻ em làm con nuôi phải bảo đảm bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của trẻ em theo quy định pháp luật.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP như sau:

“Điều 7. Hồ sơ của người nhận con nuôi

Hồ sơ của người nhận con nuôi trong nước được lập thành 01 bộ, gồm các giấy tờ quy định tại Điều 17 của Luật Nuôi con nuôi và quy định cụ thể sau đây:

1. Trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ làm con nuôi thì phải có bản sao giấy chứng nhận kết hôn với mẹ đẻ của người được nhận làm con nuôi, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi thì phải có bản sao giấy chứng nhận kết hôn với cha đẻ của người được nhận làm con nuôi. Trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì phải có giấy tờ, tài liệu chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi.

2. Người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi thông qua hình thức nộp trực tiếp, gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi có trách nhiệm khai thác thông tin về tình trạng hôn nhân của người nhận con nuôi từ các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bổ sung văn bản thể hiện kết quả khai thác vào hồ sơ của người nhận con nuôi. Trường hợp không có thông tin hoặc không thể khai thác được thông tin từ các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho người nhận con nuôi nộp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đối với trường hợp người độc thân hoặc bản sao giấy chứng nhận kết hôn đối với trường hợp hai người là vợ chồng.

3. Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi ở hiện tại khác nhau thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú trực tiếp xác minh hoặc có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi hỗ trợ xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá theo nội dung văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi và có văn bản thông báo kết quả đánh giá cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và bổ sung khoản 4 vào Điều 8 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP như sau:

“1. Việc lấy ý kiến của những người liên quan về việc nuôi con nuôi được thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Luật Nuôi con nuôi và do công chức tư pháp – hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ~~thường trú của người được nhận làm con nuôi trực tiếp thực hiện.~~ có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi thực hiện.

4. Trường hợp trẻ em bị cha, mẹ đẻ bỏ rơi và đồ vật kèm theo có thể hiện thông tin liên hệ của cha, mẹ đẻ thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi tiến hành lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ về việc cho trẻ em làm con nuôi. Trường hợp không thể liên hệ được với cha, mẹ đẻ, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi giải quyết việc nuôi con nuôi niêm yết tại trụ sở trong thời hạn 15 ngày, đồng thời có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha, mẹ đẻ niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã đó về việc cho trẻ em làm con nuôi. Thời hạn niêm yết là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi giải quyết việc nuôi con nuôi. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn niêm yết, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi giải quyết việc nuôi con nuôi thông báo về kết quả niêm yết tại địa phương.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Nghị định số

19/2011/NĐ-CP và khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP như sau:

~~“1. Việc đăng ký nuôi con nuôi được tiến hành tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Khi đăng ký nuôi con nuôi, cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ, người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng và người được nhận làm con nuôi phải có mặt. Công chức tư pháp – hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho các bên.~~

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm kết thúc thời hạn thay đổi ý kiến theo quy định tại Điều 21 của Luật Nuôi con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành đăng ký nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi. Việc giao nhận con nuôi được tổ chức tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã với sự có mặt của cha, mẹ nuôi, cha, mẹ đẻ, người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng và người được nhận làm con nuôi. Trường hợp cha, mẹ nuôi hoặc cha, mẹ đẻ của trẻ em là vợ chồng mà một trong hai người vì lý do khách quan không thể có mặt tại buổi giao nhận con nuôi thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người kia. Văn bản uỷ quyền phải được chứng thực chữ ký theo quy định pháp luật.

Công chức tư pháp – hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước cho bên giao, bên nhận. Bản điện tử Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước gửi qua Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân hoặc qua hộp thư điện tử cá nhân, nếu có yêu cầu. Việc giao nhận con nuôi phải được lập thành biên bản, có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên và đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi giải quyết việc nuôi con nuôi.

2. Căn cứ vào Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước, theo yêu cầu của cha mẹ nuôi và sự đồng ý của con nuôi đối với trường hợp con nuôi từ đủ 09 tuổi trở lên, cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền thực hiện việc thay đổi họ, chữ đệm và tên của con nuôi theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật về hộ tịch.”

7. Bổ sung Điều 10a vào sau Điều 10 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP như sau:

“Điều 10a. Thông báo tình hình phát triển của con nuôi

1. Trường hợp cha, mẹ nuôi thay đổi nơi thường trú trong thời hạn thông báo tình hình phát triển của con nuôi theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Nuôi con nuôi, cha, mẹ nuôi có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đến để tiếp tục thực hiện theo dõi việc nuôi con nuôi.

2. Cha, mẹ nuôi có thể đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ công tác xã hội hỗ trợ chuẩn bị các nội dung thông báo tình hình phát triển của con nuôi theo

quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Nuôi con nuôi. Chi phí hỗ trợ do cha, mẹ nuôi chi trả trên cơ sở thoả thuận.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP như sau:

“Điều 13. Hồ sơ của người nhận con nuôi

Hồ sơ của người nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi phải có các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Nuôi con nuôi và quy định sau đây:

1. Giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ của người nhận con nuôi do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp, xác nhận phải được hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định tại Điều 30 của Luật Nuôi con nuôi và được dịch ra tiếng Việt. Bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp công dân Việt Nam nhận con nuôi mà việc kết hôn được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì hồ sơ phải có Trích lục ghi chú kết hôn do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không lập, cấp giấy tờ quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 31 của Luật Nuôi con nuôi thì hồ sơ phải có giấy tờ có giá trị thay thế được cấp phù hợp với quy định pháp luật của nước đó.

4. Trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi:

a) Nếu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không lập, cấp giấy tờ quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 31 của Luật Nuôi con nuôi thì giấy tờ đó do tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ công tác xã hội tại Việt Nam lập;

b) Hồ sơ còn phải có Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp trong thời hạn cư trú tại Việt Nam;

5. Trường hợp nhận con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật Nuôi con nuôi, người nhận con nuôi phải nộp 01 bộ hồ sơ của người được nhận làm con nuôi và tùy từng trường hợp còn phải có giấy tờ tương ứng sau đây:

a) Trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ làm con nuôi thì phải có bản sao giấy chứng nhận kết hôn với mẹ đẻ của người được nhận làm con nuôi, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi thì phải có bản sao giấy chứng nhận kết hôn với cha đẻ của người được nhận làm con nuôi;

b) Giấy tờ, tài liệu để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi;

c) Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người đó nhận con nuôi Việt Nam và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột;

d) Giấy tờ, tài liệu để chứng minh trẻ em được nhận làm con nuôi là trẻ em thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định này;

đ) Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi cư trú tại Việt Nam và giấy tờ, tài liệu khác chứng minh người nhận con nuôi đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Bộ Tư pháp.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP như sau:

“1. Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và cử ~~án bộ trực tiếp công chức~~ lấy ý kiến của những người liên quan về việc cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Nuôi con nuôi.

Trường hợp cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú ở địa phương khác thì Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi cử công chức hoặc gửi văn bản đề nghị Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi, Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú tiến hành lấy ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài theo quy định pháp luật.

Trường hợp trẻ em được cha dưỡng hoặc mẹ kế nhận làm con nuôi thì mẹ đẻ hoặc cha đẻ thể hiện ý kiến đồng ý bằng văn bản về việc cho trẻ em làm con nuôi. Việc lấy ý kiến của cha đẻ, mẹ đẻ còn lại và trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Nuôi con nuôi.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP như sau:

“1. Trước khi xác nhận trẻ em có đủ điều kiện làm con nuôi ở nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật Nuôi con nuôi, Sở Tư pháp phải thẩm định hồ sơ của trẻ em và đối chiếu với các quy định về đối tượng, độ tuổi của trẻ em được nhận làm con nuôi, ~~trường hợp được nhận đích danh~~, trường hợp phải thông qua thủ tục giới thiệu, *trường hợp được giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật Nuôi con nuôi.*

Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi ở nước ngoài, phải có văn bản xác minh và kết luận rõ ràng của Công an cấp tỉnh về nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi, không chưa xác định được cha mẹ, đẻ. Trường hợp hồ sơ trẻ em thể hiện thông tin cha, mẹ đẻ của trẻ em cư trú ở địa phương khác, Công an cấp tỉnh

nơi giải quyết việc nuôi con nuôi có thể gửi văn bản đề nghị Công an cấp tỉnh nơi có thông tin cư trú của cha, mẹ đẻ của trẻ em hỗ trợ xác minh.

Trường hợp không thể liên hệ được với cha, mẹ đẻ, Sở Tư pháp niêm yết tại trụ sở Sở Tư pháp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, đồng thời có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha, mẹ đẻ niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cho trẻ em làm con nuôi. Thời hạn niêm yết là 60 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn niêm yết, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản gửi Sở Tư pháp thông báo về kết quả niêm yết tại địa phương.

3. Sau khi xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi ở nước ngoài, Sở Tư pháp gửi ~~Cục Con nuôi Bộ Tư pháp~~ văn bản xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi, văn bản xác minh của Công an cấp tỉnh đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của trẻ em *đối với trường hợp* trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi; trường hợp trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng thì *còn* phải có văn bản ~~lấy~~ thể hiện ý kiến của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP như sau:

“1. Trường hợp nhận con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật Nuôi con nuôi, người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ cho Bộ Tư pháp thông qua hình thức nộp trực tiếp, gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho người thường trú tại Việt Nam nộp hồ sơ tại Bộ Tư pháp. Văn bản uỷ quyền phải được hợp pháp hoá lãnh sự và dịch ra tiếng Việt theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị định này.

2. Trường hợp nhận ~~con nuôi không đích danh~~ trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi, người nhận con nuôi thường trú tại nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam nộp hồ sơ cho Bộ Tư pháp thông qua tổ chức con nuôi của nước đó được cấp phép hoạt động tại Việt Nam. Nếu nước đó không có tổ chức con nuôi được cấp phép hoạt động tại Việt Nam thì người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Bộ Tư pháp thông qua Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú, hoặc Cơ quan đại diện Ngoại giao, hoặc Cơ quan Lãnh sự của nước đó tại Việt Nam.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP như sau:

“Điều 19. Yêu cầu chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi cho Sở Tư pháp

1. Đối với các trường hợp được quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 28 của Luật Nuôi con nuôi, Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi cho Sở Tư pháp để Sở Tư pháp kiểm tra, xác minh hồ sơ của người được nhận làm con nuôi, lấy ý kiến của những người liên quan về việc giải quyết nuôi con nuôi và xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài.

2. Trường hợp giải quyết nuôi con nuôi đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng, Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi cho Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 34 của Luật Nuôi con nuôi để thực hiện việc giới thiệu trẻ em. Việc chuyển hồ sơ phải căn cứ số lượng trẻ em có đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài và số lượng hồ sơ của người nhận con nuôi đã được chấp thuận, bảo đảm lựa chọn gia đình phù hợp nhất cho trẻ em.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP như sau:

“3. Trong khi kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 28 và khoản 2 Điều 36 của Luật nuôi con nuôi, Bộ Tư pháp lấy ý kiến của chuyên gia tâm lý, y tế, gia đình, xã hội trong trường hợp cần thiết. Nếu trẻ em có đủ điều kiện để cho làm con nuôi ở nước ngoài, việc giải quyết cho trẻ em làm con nuôi bảo đảm đúng trình tự, thủ tục quy định và đáp ứng lợi ích tốt nhất của trẻ em, Bộ Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người nhận con nuôi, Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú kèm theo báo cáo đánh giá việc trẻ em Việt Nam đủ điều kiện được làm con nuôi nước ngoài, bản sao giấy khai sinh của trẻ em, quyết định tiếp nhận trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng, giấy khám sức khỏe, văn bản lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và ý kiến của trẻ em đối với trường hợp trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi; trường hợp trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng thì còn phải có văn bản thể hiện ý kiến của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi. Trường hợp trẻ em không đủ điều kiện để cho làm con nuôi, việc giải quyết cho trẻ em làm con nuôi không bảo đảm đúng trình tự, thủ tục quy định hoặc không đáp ứng lợi ích tốt nhất của trẻ em, Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp.”

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP như sau:

“Điều 22. Xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi, ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng

1. Công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới của nước láng giềng làm con nuôi phải có

đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi và các điều kiện theo quy định pháp luật của nước láng giềng.

2. Hồ sơ xin đề nghị xác nhận đủ điều kiện nhận con nuôi phải có các giấy tờ theo quy định tại Điều 17 của Luật Nuôi con nuôi và các giấy tờ khác theo quy định pháp luật của nước láng giềng; số bộ hồ sơ được lập theo quy định pháp luật của nước láng giềng, và được lập thành 01 bộ.

3. Người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thường trú thông qua hình thức nộp trực tiếp, gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm khai thác thông tin về tình trạng hôn nhân của người nhận con nuôi từ các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bổ sung văn bản thể hiện kết quả khai thác vào hồ sơ của người nhận con nuôi. Trường hợp không có thông tin hoặc không thể khai thác được thông tin từ các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo cho người nhận con nuôi nộp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đối với trường hợp người độc thân hoặc bản sao giấy chứng nhận kết hôn đối với trường hợp hai người là vợ chồng.

Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra hồ sơ và xác nhận nếu người đó có đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định tại Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi. Văn bản xác nhận đủ điều kiện được trả cho người có yêu cầu qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử, hệ thống bưu chính hoặc tại Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Sau khi đăng ký nuôi con nuôi tại cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng, người nhận con nuôi phải làm thủ tục ghi chú việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã huyện nơi người đó cư trú theo quy định của pháp luật về hộ tịch.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 29 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP như sau:

“3. Người có yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi nộp Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Tư pháp không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi đó, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng, và bản sao hồ sơ, giấy tờ, tài liệu trong đó có các thông tin liên quan đến nội dung đăng ký nuôi con nuôi thông qua hình thức nộp trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Tờ khai phải có cam đoan của người

yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng.

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Tư pháp phải giải thích rõ cho người có yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Tư pháp từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký lại việc nuôi con nuôi, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký và cấp cho người yêu cầu đăng ký lại 01 bản chính Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước. Bản chính Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước được gửi cho người yêu cầu đăng ký lại qua hệ thống bưu chính hoặc trả trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Bản điện tử Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước gửi qua Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân hoặc qua hộp thư điện tử cá nhân, nếu có yêu cầu.

Đối với trường hợp đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài để Sở Tư pháp cấp cho người yêu cầu đăng ký lại. Căn cứ tình hình thực tiễn tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh uỷ quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp ký Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài để cấp cho người yêu cầu đăng ký lại.”

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 33 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP như sau:

“1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Con nuôi Bộ Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ; phỏng vấn để kiểm tra, đánh giá về tiêu chuẩn của người dự kiến đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; kiểm tra, đánh giá về điều kiện, năng lực chuyên môn của tổ chức và đội ngũ nhân viên của tổ chức con nuôi nước ngoài; báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Công an cho ý kiến.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Bộ Công an, Cục Con nuôi hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cấp Giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là Giấy phép) cho tổ chức con nuôi nước ngoài và thông báo cho Bộ Công an, cơ quan thuế có thẩm quyền để phối hợp quản lý; trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Cục Con nuôi Bộ Tư pháp thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức con nuôi nước ngoài.”

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 34 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP như sau:

“2. ~~Chậm nhất~~ Trong thời hạn 60 ngày trước khi Giấy phép hết hạn, tổ chức con nuôi nước ngoài phải làm đơn xin gia hạn gửi ~~Cục Con nuôi~~ Bộ Tư pháp, kèm theo Giấy phép, văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức được thành lập cấp, cho phép tổ chức được hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi nước ngoài và báo cáo hoạt động tại Việt Nam.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, ~~Cục Con nuôi~~ Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ; kiểm tra hoạt động của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; đánh giá lại năng lực chuyên môn của tổ chức con nuôi nước ngoài, nếu thấy cần thiết; ~~báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp~~ đề nghị Bộ Công an cho ý kiến.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Bộ Công an, ~~Cục Con nuôi hoàn thiện hồ sơ, báo cáo~~ Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định gia hạn Giấy phép và thông báo cho Bộ Công an, cơ quan thuế có thẩm quyền để phối hợp quản lý; trường hợp từ chối gia hạn Giấy phép, ~~Cục Con nuôi~~ Bộ Tư pháp thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức con nuôi nước ngoài.”

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP như sau:

“Điều 35. Sửa đổi Giấy phép

1. Trường hợp tổ chức con nuôi nước ngoài thay đổi tên gọi, địa điểm đặt trụ sở chính tại nước nơi tổ chức được thành lập, thay đổi trụ sở của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, thì tổ chức phải có đơn gửi Bộ Tư pháp đề nghị ghi chú nội dung thay đổi.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị ghi chú thay đổi, ~~Cục Con nuôi báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp~~ ghi nội dung thay đổi vào Giấy phép; thông báo cho Bộ Công an, cơ quan thuế có thẩm quyền *trong trường hợp có thay đổi trụ sở của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam*, để phối hợp quản lý.

2. Trường hợp thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức con nuôi nước ngoài phải có đơn gửi ~~Cục Con nuôi~~ Bộ Tư pháp, kèm theo đơn phải có Giấy phép và 02 bộ giấy tờ của người dự kiến đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 31 của Nghị định này.

Trong thời hạn ~~05~~15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, ~~Cục Con nuôi~~ Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ, ~~báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp~~ thẩm định hồ sơ, đề nghị Bộ Công an cho ý kiến, kèm theo 01 bộ hồ sơ của người dự kiến đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Tư pháp, Bộ Công an trả lời bằng văn bản cho Bộ Tư pháp.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn trả lời của Bộ Công an, ~~Cục Con nuôi báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp~~ cho phép thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam và thông báo cho Bộ Công an, cơ quan thuế có thẩm quyền để phối hợp quản lý; trường hợp không chấp nhận người dự kiến đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, ~~Cục Con nuôi Bộ Tư pháp~~ thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức con nuôi nước ngoài.”

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, khoản, điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP, Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP, Nghị định số 114/2016/NĐ-CP

1. Thay thế cụm từ “các Điều 9, 15, 17, 18, 20, 21, 22, 28, 30, 31, 32, 33, 34, 36” bằng cụm từ “quy định” tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; thay thế cụm từ “Cục Con nuôi” bằng cụm từ “Bộ Tư pháp” tại khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 17, khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 18, khoản 2 Điều 20, khoản 3 và khoản 4 Điều 27, khoản 2 Điều 31, khoản 2 và khoản 3 Điều 36, khoản 2 Điều 47 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP.

2. Thay thế cụm từ “Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Cục Con nuôi)” bằng cụm từ “Bộ Tư pháp” tại điểm b khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP; thay thế cụm từ “Cục Con nuôi” bằng cụm từ “Bộ Tư pháp” tại điểm c khoản 3 Điều 4, điểm b khoản 2 Điều 14, khoản 3 Điều 30 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP; thay thế cụm từ “Lý lịch cá nhân” bằng cụm từ “Sơ yếu lý lịch tự thuật” tại điểm g khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP.

3. Thay thế cụm từ “Cục Con nuôi (Bộ Tư pháp)” bằng cụm từ “Bộ Tư pháp” tại khoản 2 và khoản 6 Điều 3 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP; thay thế cụm từ “Cục Con nuôi (Bộ Tư pháp)” bằng cụm từ “Văn phòng Bộ Tư pháp” tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP.

4. Bãi bỏ cụm từ “Căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương,” tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP.

5. Bãi bỏ khoản 3 Điều 5, Điều 12 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; bãi bỏ khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Quy định về hoạt động hỗ trợ giải quyết nuôi con nuôi tại Điều 5a của Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT,

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính